

DANH SÁCH BỔ SUNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN GIÁN TIẾP HỆ THỐNG TTLNH

(Ban hành kèm theo CV số 64/CNTH ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Ban điều hành hệ thống TTLNH)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ NGÂN HÀNG
	Tỉnh Hà Giang	
1	Agribank Chi nhánh Huyện Đồng Văn, Hà Giang	02204002
2	Agribank Chi nhánh Huyện Mèo Vạc, Hà Giang	02204003
3	Agribank Chi nhánh Huyện Yên Minh, Hà Giang	02204004
4	Agribank Chi nhánh Huyện Quản Bạ, Hà Giang	02204005
5	Agribank Chi nhánh Huyện Bắc Mê, Hà Giang	02204006
6	Agribank Chi nhánh Huyện Hoàng Su Phì, Hà Giang	02204007
7	Agribank Chi nhánh Huyện Bắc Quang, Hà Giang	02204008
8	Agribank Chi nhánh Thanh Thủy, Hà Giang	02204009
9	Agribank Chi nhánh Huyện Xín Mần, Hà Giang	02204010
10	Agribank Chi nhánh Huyện Quang Bình, Hà Giang	02204011
11	Agribank Chi nhánh Huyện Vị Xuyên, Hà Giang	02204012
	Tỉnh Bắc Kạn	
12	Agribank Chi nhánh Huyện Bạch Thông, Bắc Kạn	06204002
13	Agribank Chi nhánh Ba Bể, Bắc Kạn	06204003
14	Agribank Chi nhánh Huyện Ngân Sơn, Bắc Kạn	06204004
15	Agribank Chi nhánh Huyện Pắc Nặm, Bắc Kạn	06204005
16	Agribank Chi nhánh Huyện Na Rì, Bắc Kạn	06204006
17	Agribank Chi nhánh Huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	06204007
18	Agribank Chi nhánh Huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn	06204008
	Tỉnh Lai Châu	
19	Agribank Chi nhánh TP Lai Châu, Lai Châu	12204002
20	Agribank Chi nhánh Huyện Tam Đường, Lai Châu	12204003
21	Agribank Chi nhánh Huyện Phong Thổ, Lai Châu	12204004
22	Agribank Chi nhánh Huyện Sìn Hồ, Lai Châu	12204005
23	Agribank Chi nhánh Huyện Mường Tè, Lai Châu	12204006
24	Agribank Chi nhánh Huyện Than Uyên, Lai Châu	12204007
25	Agribank Chi nhánh Huyện Tân Uyên, Lai Châu	12204008
	Tỉnh Yên Bái	
26	Agribank Chi nhánh TP Yên Bái, Yên Bái	15204002
27	Agribank Chi nhánh TP Yên Bái II, Yên Bái	15204003
28	Agribank Chi nhánh Huyện Văn Chấn, Yên Bái	15204004

29	Agribank Chi nhánh Huyện Yên Bình, Yên Bái	15204005
30	Agribank Chi nhánh Huyện Lục Yên, Yên Bái	15204006
31	Agribank Chi nhánh Huyện Trạm Tấu, Yên Bái	15204007
32	Agribank Chi nhánh Huyện Trấn Yên, Yên Bái	15204008
33	Agribank Chi nhánh Huyện Văn Yên, Yên Bái	15204009
34	Agribank Chi nhánh Huyện Mù Cang Chải, Yên Bái	15204010
35	Agribank Chi nhánh Thị xã Nghĩa Lộ, Yên Bái	15204011
Tỉnh Lạng Sơn		
36	Agribank Chi nhánh Huyện Văn Lãng, Lạng Sơn	20204002
37	Agribank Chi nhánh Huyện Tràng Định, Lạng Sơn	20204003
38	Agribank Chi nhánh Huyện Hữu Lũng, Lạng Sơn	20204004
39	Agribank Chi nhánh Đồng Đăng, Lạng Sơn	20204005
40	Agribank Chi nhánh TP Lạng Sơn, Lạng Sơn	20204006
41	Agribank Chi nhánh Huyện Lộc Bình, Lạng Sơn	20204007
42	Agribank Chi nhánh Huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn	20204008
43	Agribank Chi nhánh Huyện Cao Lộc, Lạng Sơn	20204009
44	Agribank Chi nhánh Huyện Chi Lăng, Lạng Sơn	20204010
45	Agribank Chi nhánh Huyện Văn Quan, Lạng Sơn	20204011
46	Agribank Chi nhánh Huyện Bình Gia, Lạng Sơn	20204012
47	Agribank Chi nhánh Huyện Đình Lập, Lạng Sơn	20204013
Tỉnh Phú Thọ		
48	Agribank Chi nhánh Huyện Cẩm Khê, Phú Thọ	25204002
49	Agribank Chi nhánh Vân Cự, Phú Thọ	25204003
50	Agribank Chi nhánh Thị xã Phú Thọ, Phú Thọ	25204004
51	Agribank Chi nhánh Huyện Lâm Thao, Phú Thọ	25204005
52	Agribank Chi nhánh Huyện Phù Ninh, Phú Thọ	25204006
53	Agribank Chi nhánh Huyện Thanh Ba, Phú Thọ	25204007
54	Agribank Chi nhánh Huyện Tân Sơn, Phú Thọ	25204008
55	Agribank Chi nhánh Huyện Hạ Hoà, Phú Thọ	25204009
56	Agribank Chi nhánh Huyện Thanh Sơn, Phú Thọ	25204010
57	Agribank Chi nhánh Huyện Tam Nông, Phú Thọ	25204011
58	Agribank Chi nhánh Huyện Yên Lập, Phú Thọ	25204012
59	Agribank Chi nhánh Huyện Thanh Thủy, Phú Thọ	25204013
60	Agribank Chi nhánh Gia Cẩm, Phú Thọ	25204014
61	Agribank Chi nhánh Thanh Miếu, Phú Thọ	25204015
62	Agribank Chi nhánh Huyện Đoan Hùng, Phú Thọ	25204016
Tỉnh Hải Dương		
63	Agribank Chi nhánh Huyện Nam Sách, Hải Dương	30204002
64	Agribank Chi nhánh Huyện Kim Thành, Hải Dương	30204003

65	Agribank Chi nhánh Huyện Cẩm Giàng, Hải Dương	30204004
66	Agribank Chi nhánh Huyện Bình Giang, Hải Dương	30204005
67	Agribank Chi nhánh Huyện Gia Lộc, Hải Dương	30204006
68	Agribank Chi nhánh Huyện Tứ Kỳ, Hải Dương	30204007
69	Agribank Chi nhánh Huyện Ninh Giang, Hải Dương	30204008
70	Agribank Chi nhánh TP Hải Dương, Hải Dương	30204009
71	Agribank Chi nhánh Huyện Thanh Miện, Hải Dương	30204010
72	Agribank Chi nhánh Huyện Kinh Môn, Hải Dương	30204011
73	Agribank Chi nhánh Thành Đông, Hải Dương	30204013
74	Agribank Chi nhánh Huyện Thanh Hà, Hải Dương	30204014
75	Agribank Chi nhánh Phả Lại, Hải Dương	30204015
76	Agribank Chi nhánh Đại Tân, Hải Dương	30204016
Tỉnh Hưng Yên		
77	Agribank Chi nhánh KCN Minh Đức, Hưng Yên	33204002
78	Agribank Chi nhánh Huyện Yên Mỹ, Hưng Yên	33204003
79	Agribank Chi nhánh Huyện Văn Giang, Hưng Yên	33204004
80	Agribank Chi nhánh Huyện Tiên Lữ, Hưng Yên	33204005
81	Agribank Chi nhánh Huyện Văn Lâm, Hưng Yên	33204006
82	Agribank Chi nhánh Huyện Khoái Châu, Hưng Yên	33204007
83	Agribank Chi nhánh Huyện Kim Động, Hưng Yên	33204008
84	Agribank Chi nhánh Huyện Phù Cừ, Hưng Yên	33204009
85	Agribank Chi nhánh Huyện Ân Thi, Hưng Yên	33204011
86	Agribank Chi nhánh TP Hưng Yên, Hưng Yên	33204012
Tỉnh Thái Bình		
87	Agribank Chi nhánh Huyện Thái Thụy, Thái Bình	34204003
88	Agribank Chi nhánh Huyện Vũ Thư, Thái Bình	34204004
89	Agribank Chi nhánh Huyện Tiền Hải, Thái Bình	34204005
90	Agribank Chi nhánh Huyện Đông Hưng, Thái Bình	34204006
91	Agribank Chi nhánh Huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình	34204007
92	Agribank Chi nhánh Khu vực I, Thái Bình	34204008
93	Agribank Chi nhánh Huyện Kiến Xương, Thái Bình	34204010
94	Agribank Chi nhánh Huyện Hưng Hà, Thái Bình	34204011
Tỉnh Nam Định		
95	Agribank Chi nhánh Huyện Vụ Bản, Nam Định	36204003
96	Agribank Chi nhánh Huyện Nam Trực, Nam Định	36204004
97	Agribank Chi nhánh Huyện Ý Yên, Nam Định	36204005
98	Agribank Chi nhánh Huyện Nghĩa Hưng, Nam Định	36204006
99	Agribank Chi nhánh Thịnh Long, Nam Định	36204007
100	Agribank Chi nhánh Huyện Trực Ninh, Nam Định	36204008

101	Agribank Chi nhánh Huyện Mỹ Lộc, Nam Định	36204009
102	Agribank Chi nhánh Huyện Giao Thủy, Nam Định	36204010
103	Agribank Chi nhánh Huyện Xuân Trường, Nam Định	36204011
104	Agribank Chi nhánh Huyện Hải Hậu, Nam Định	36204012
105	Agribank Chi nhánh Đông Bình, Nam Định	36204013
106	Agribank Chi nhánh Thành Nam, Nam Định	36204014
107	Agribank Chi nhánh TP Nam Định, Nam Định	36204015
108	Agribank Chi nhánh Cồn, Nam Định	36204016
Tỉnh Thanh Hoá		
109	Agribank Chi nhánh Huyện Hà Trung, Thanh Hóa	38204003
110	Agribank Chi nhánh Huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	38204004
111	Agribank Chi nhánh Huyện Yên Định, Thanh Hóa	38204005
112	Agribank Chi nhánh Lam Sơn, Thanh Hóa	38204006
113	Agribank Chi nhánh Huyện Thường Xuân, Thanh Hóa	38204007
114	Agribank Chi nhánh Huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa	38204008
115	Agribank Chi nhánh Huyện Hoằng Hoá, Thanh Hóa	38204009
116	Agribank Chi nhánh Huyện Quảng Xương, Thanh Hóa	38204010
117	Agribank Chi nhánh Huyện Như Xuân, Thanh Hóa	38204011
118	Agribank Chi nhánh Huyện Nông Cống, Thanh Hóa	38204012
119	Agribank Chi nhánh Số 2, Thanh Hóa	38204013
120	Agribank Chi nhánh Huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	38204014
121	Agribank Chi nhánh Huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa	38204015
122	Agribank Chi nhánh Huyện Quan Hoá, Thanh Hóa	38204016
123	Agribank Chi nhánh Huyện Như Thanh, Thanh Hóa	38204017
124	Agribank Chi nhánh Huyện Thiệu Hoá, Thanh Hóa	38204018
125	Agribank Chi nhánh Nghi Sơn, Thanh Hóa	38204019
126	Agribank Chi nhánh Huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa	38204020
127	Agribank Chi nhánh Huyện Đông Sơn, Thanh Hóa	38204021
128	Agribank Chi nhánh TX Bỉm Sơn, Thanh Hóa	38204022
129	Agribank Chi nhánh Số 3, Thanh Hóa	38204023
130	Agribank Chi nhánh Số 4, Thanh Hóa	38204024
131	Agribank Chi nhánh Ba Đình, Thanh Hóa	38204025
132	Agribank Chi nhánh TP Thanh Hoá, Thanh Hóa	38204026
133	Agribank Chi nhánh Huyện Bá Thước, Thanh Hóa	38204027
134	Agribank Chi nhánh Huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa	38204028
135	Agribank Chi nhánh Huyện Nga Sơn, Thanh Hóa	38204029
136	Agribank Chi nhánh Huyện Thạch Thành, Thanh Hóa	38204030
137	Agribank Chi nhánh Huyện Lang Chánh, Thanh Hóa	38204031
138	Agribank Chi nhánh Huyện Ngọc Lặc, Thanh Hóa	38204032

139	Agribank PGD Huyện Mường Lát, Thanh Hóa	38204033
140	Agribank PGD Huyện Quan Sơn, Thanh Hóa	38204034
	Tỉnh Quảng Bình	
141	Agribank Chi nhánh Huyện Bố Trạch, Quảng Bình	44204002
142	Agribank Chi nhánh Huyện Lệ Thủy, Quảng Bình	44204003
143	Agribank Chi nhánh Huyện Quảng Ninh, Quảng Bình	44204004
144	Agribank Chi nhánh Huyện Quảng Trạch, Quảng Bình	44204005
145	Agribank Chi nhánh Trần Hưng Đạo, Quảng Bình	44204006
146	Agribank Chi nhánh Quang Trung, Quảng Bình	44204007
147	Agribank Chi nhánh Lý Thường Kiệt, Quảng Bình	44204008
148	Agribank Chi nhánh Huyện Tuyên Hoá, Quảng Bình	44204009
149	Agribank Chi nhánh Huyện Minh Hoá, Quảng Bình	44204010
150	Agribank Chi nhánh Lý Thái Tổ, Quảng Bình	44204011
	Tỉnh Quảng Nam	
151	Agribank Chi nhánh Nam Phước, Quảng Nam	49204003
152	Agribank Chi nhánh Hương An, Quảng Nam	49204004
153	Agribank Chi nhánh Huyện Hiệp Đức, Quảng Nam	49204005
154	Agribank Chi nhánh Huyện Nam Giang, Quảng Nam	49204006
155	Agribank Chi nhánh Huyện Tây Giang, Quảng Nam	49204007
156	Agribank Chi nhánh Huyện Đại Lộc, Quảng Nam	49204008
157	Agribank Chi nhánh Trường Xuân, Quảng Nam	49204009
158	Agribank Chi nhánh Khu Kinh tế mở Chu Lai, Quảng Nam	49204010
159	Agribank Chi nhánh TP Hội An, Quảng Nam	49204011
160	Agribank Chi nhánh Huyện Quế Sơn, Quảng Nam	49204012
161	Agribank Chi nhánh Huyện Nông Sơn, Quảng Nam	49204013
162	Agribank Chi nhánh Tam Đàn, Quảng Nam	49204014
163	Agribank Chi nhánh Huyện Bắc Trà My, Quảng Nam	49204015
164	Agribank Chi nhánh Huyện Nam Trà My, Quảng Nam	49204016
165	Agribank Chi nhánh Huyện Phước Sơn, Quảng Nam	49204017
166	Agribank Chi nhánh Huyện Thăng Bình, Quảng Nam	49204018
167	Agribank Chi nhánh Bắc Điện Bàn, Quảng Nam	49204019
168	Agribank Chi nhánh TP Tam Kỳ, Quảng Nam	49204020
169	Agribank Chi nhánh TX Điện Bàn, Quảng Nam	49204021
170	Agribank Chi nhánh Điện Nam - Điện Ngọc, Quảng Nam	49204022
171	Agribank Chi nhánh Huyện Duy Xuyên, Quảng Nam	49204023
172	Agribank Chi nhánh Huyện Tiên Phước, Quảng Nam	49204024
173	Agribank Chi nhánh Huyện Đông Giang, Quảng Nam	49204025
174	Agribank Chi nhánh Huyện Phú Ninh, Quảng Nam	49204026
175	Agribank Chi nhánh Huyện Núi Thành, Quảng Nam	49204027

	Tỉnh Quảng Ngãi	
176	Agribank Chi nhánh Huyện Ba Tơ, Quảng Ngãi	51204002
177	Agribank Chi nhánh Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi	51204003
178	Agribank Chi nhánh Lý Sơn, Quảng Ngãi	51204004
179	Agribank Chi nhánh Dung Quất, Quảng Ngãi	51204005
180	Agribank Chi nhánh Huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	51204006
181	Agribank Chi nhánh Huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi	51204007
182	Agribank Chi nhánh Huyện Sơn Hà, Quảng Ngãi	51204008
183	Agribank Chi nhánh Huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	51204009
184	Agribank Chi nhánh Huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi	51204010
185	Agribank Chi nhánh Huyện Trà Bồng, Quảng Ngãi	51204011
186	Agribank Chi nhánh Sa Huỳnh, Quảng Ngãi	51204012
187	Agribank Chi nhánh Minh Long, Quảng Ngãi	51204013
188	Agribank Chi nhánh Huyện Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	51204014
189	Agribank Chi nhánh Thành phố Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	51204015
	Tỉnh Bình Định	
190	Agribank Chi nhánh Huyện Tuy Phước, Bình Định	52204003
191	Agribank Chi nhánh Thị xã An Nhơn, Bình Định	52204004
192	Agribank Chi nhánh Huyện Tây Sơn, Bình Định	52204005
193	Agribank Chi nhánh Huyện Phù Cát, Bình Định	52204006
194	Agribank Chi nhánh Huyện Phù Mỹ, Bình Định	52204007
195	Agribank Chi nhánh Huyện Hoài Nhơn, Bình Định	52204008
196	Agribank Chi nhánh KCN Phú Tài, Bình Định	52204009
197	Agribank Chi nhánh Huyện Hoài Ân, Bình Định	52204010
198	Agribank Chi nhánh Huyện An Lão, Bình Định	52204011
199	Agribank Chi nhánh Huyện Vĩnh Thạnh, Bình Định	52204012
200	Agribank Chi nhánh Huyện Vân Canh, Bình Định	52204013
	Tỉnh Phú Yên	
201	Agribank Chi nhánh Huyện Sơn Hoà, Phú Yên	54204003
202	Agribank Chi nhánh Huyện Sông Hinh, Phú Yên	54204004
203	Agribank Chi nhánh Huyện Phú Hoà, Phú Yên	54204005
204	Agribank Chi nhánh Huyện Đông Hoà, Phú Yên	54204006
205	Agribank Chi nhánh Huyện Tây Hoà, Phú Yên	54204007
206	Agribank Chi nhánh TX Sông Cầu, Phú Yên	54204008
207	Agribank Chi nhánh Huyện Tuy An, Phú Yên	54204009
208	Agribank Chi nhánh Huyện Đồng Xuân, Phú Yên	54204010
209	Agribank Chi nhánh Nam TP Tuy Hoà, Phú Yên	54204011
	Tỉnh Bình Thuận	
210	Agribank Chi nhánh Nam Phan Thiết, Bình Thuận	60204002

211	Agribank Chi nhánh Huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	60204004
212	Agribank Chi nhánh Huyện Tánh Linh, Bình Thuận	60204005
213	Agribank Chi nhánh Huyện Bắc Bình, Bình Thuận	60204007
214	Agribank Chi nhánh Huyện Phú Quý, Bình Thuận	60204009
215	Agribank Chi nhánh Lương Sơn, Bình Thuận	60204010
216	Agribank Chi nhánh Hàm Mỹ, Bình Thuận	60204011
217	Agribank Chi nhánh Huyện Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	60204012
218	Agribank Chi nhánh Huyện Hàm Tân, Bình Thuận	60204014
219	Agribank Chi nhánh TP Phan Thiết, Bình Thuận	60204015
	Tỉnh Đắk Lắk	
220	Agribank Chi nhánh Huyện Ea Kar, Đắk Lắk	66204002
221	Agribank Chi nhánh Cư Kuin, Đắk Lắk	66204003
222	Agribank Chi nhánh Huyện Krông Bông, Đắk Lắk	66204004
223	Agribank Chi nhánh Ea Knốp, Đắk Lắk	66204005
224	Agribank Chi nhánh Huyện M'Đrăk, Đắk Lắk	66204006
225	Agribank Chi nhánh Pong Drang, Đắk Lắk	66204008
226	Agribank Chi nhánh Huyện Ea Sup, Đắk Lắk	66204009
227	Agribank Chi nhánh Kim Ngân, Đắk Lắk	66204010
228	Agribank Chi nhánh Tân An, Đắk Lắk	66204011
229	Agribank Chi nhánh Phan Chu Trinh, Đắk Lắk	66204012
230	Agribank Chi nhánh Huyện Krông Păk, Đắk Lắk	66204013
231	Agribank Chi nhánh Ea Phê, Đắk Lắk	66204014
232	Agribank Chi nhánh Huyện Krông Năng, Đắk Lắk	66204015
233	Agribank Chi nhánh Ea Ral, Đắk Lắk	66204016
234	Agribank Chi nhánh Huyện Buôn Đôn, Đắk Lắk	66204017
235	Agribank Chi nhánh Hòa Thắng, Đắk Lắk	66204018
236	Agribank Chi nhánh Tân Lập, Đắk Lắk	66204019
237	Agribank Chi nhánh TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	66204020
238	Agribank Chi nhánh Ea Toh, Đắk Lắk	66204021
239	Agribank Chi nhánh Huyện Krông Ana, Đắk Lắk	66204022
240	Agribank Chi nhánh Huyện Cư Mgar, Đắk Lắk	66204023
241	Agribank Chi nhánh Huyện Lắk, Đắk Lắk	66204024
242	Agribank Chi nhánh Hòa Khánh, Đắk Lắk	66204025
243	Agribank Chi nhánh Ea Tam, Đắk Lắk	66204026
244	Agribank Chi nhánh Nơ Trang Long, Đắk Lắk	66204027
245	Agribank Chi nhánh Lê Hồng Phong, Đắk Lắk	66204028
246	Agribank Chi nhánh Hòa Thuận, Đắk Lắk	66204029
247	Agribank Chi nhánh Huyện Ea H'Leo, Đắk Lắk	66204030
248	Agribank Chi nhánh Ea Cpm, Đắk Lắk	66204031

	Tỉnh Đắk Nông	
249	Agribank Chi nhánh Huyện Đắk RLấp, Đắk Nông	67204002
250	Agribank Chi nhánh Đắk Song, Đắk Nông	67204003
251	Agribank Chi nhánh Thị xã Gia Nghĩa, Đắk Nông	67204004
252	Agribank Chi nhánh Huyện Đắk Glong, Đắk Nông	67204005
253	Agribank Chi nhánh Đắk Mil, Đắk Nông	67204006
254	Agribank Chi nhánh Nam Dong, Đắk Nông	67204007
255	Agribank Chi nhánh Krông Nô, Đắk Nông	67204008
256	Agribank Chi nhánh Cư Jút, Đắk Nông	67204009
	Tỉnh Lâm Đồng	
257	Agribank Chi nhánh TP Đà Lạt, Lâm Đồng	68204003
258	Agribank Chi nhánh Huyện Đa Tèh, Lâm Đồng	68204005
259	Agribank Chi nhánh Huyện Cát Tiên, Lâm Đồng	68204006
260	Agribank Chi nhánh Hoà Ninh, Lâm Đồng	68204008
261	Agribank Chi nhánh Lạc Dương, Lâm Đồng	68204009
262	Agribank Chi nhánh Huyện Di Linh, Lâm Đồng	68204010
263	Agribank Chi nhánh Huyện Đa Huoai, Lâm Đồng	68204011
264	Agribank Chi nhánh Lộc An Nam Lâm Đồng	68204014
265	Agribank Chi nhánh Bảo Lâm Nam Lâm Đồng	68204015
266	Agribank Chi nhánh Lộc Phát Nam Lâm Đồng	68204016
267	Agribank Chi nhánh Lộc Thành Nam Lâm Đồng	68204017
	Tỉnh Tây Ninh	
268	Agribank Chi nhánh Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh	72204002
269	Agribank Chi nhánh KV Mía đường Tân Hưng, Tây Ninh	72204003
270	Agribank Chi nhánh KCN Trảng Bàng, Tây Ninh	72204004
271	Agribank Chi nhánh Huyện Hòa Thành, Tây Ninh	72204005
272	Agribank Chi nhánh Huyện Tân Châu, Tây Ninh	72204006
273	Agribank Chi nhánh Huyện Bến Cầu, Tây Ninh	72204007
274	Agribank Chi nhánh Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh	72204008
275	Agribank Chi nhánh Huyện Tân Biên, Tây Ninh	72204009
276	Agribank Chi nhánh Huyện Châu Thành, Tây Ninh	72204010
277	Agribank Chi nhánh Huyện Gò Dầu, Tây Ninh	72204011
	Tỉnh Bình Dương	
278	Agribank Chi nhánh Thị xã Thuận An Sóng Thần, Bình Dương	74204010
279	Agribank Chi nhánh Thị xã Dĩ An Sóng Thần, Bình Dương	74204011
	Tỉnh Tiền Giang	
280	Agribank Chi nhánh TX Cai Lậy, Tiền Giang	82204002
281	Agribank Chi nhánh Huyện Tân Đông, Tiền Giang	82204003
282	Agribank Chi nhánh Huyện Tân Phước, Tiền Giang	82204004

283	Agribank Chi nhánh Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	82204005
284	Agribank Chi nhánh Huyện Gò Công Đông, Tiền Giang	82204006
285	Agribank Chi nhánh Huyện Gò Công Tây, Tiền Giang	82204007
286	Agribank Chi nhánh Huyện Chợ Gạo, Tiền Giang	82204008
287	Agribank Chi nhánh Huyện Châu Thành, Tiền Giang	82204009
288	Agribank Chi nhánh Huyện Cái Bè, Tiền Giang	82204010
289	Agribank Chi nhánh TX Gò Công, Tiền Giang	82204011
290	Agribank Chi nhánh KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	82204012
Tỉnh Bến Tre		
291	Agribank Chi nhánh Thành phố Bến Tre, Bến Tre	83204002
292	Agribank Chi nhánh Đồng Khởi, Bến Tre	83204003
293	Agribank Chi nhánh Huyện Ba Tri, Bến Tre	83204004
294	Agribank Chi nhánh Huyện Mỏ Cày Nam, Bến Tre	83204005
295	Agribank Chi nhánh Huyện Bình Đại, Bến Tre	83204006
296	Agribank Chi nhánh Huyện Châu Thành, Bến Tre	83204007
297	Agribank Chi nhánh Huyện Thạnh Phú, Bến Tre	83204008
298	Agribank Chi nhánh Huyện Chợ Lách, Bến Tre	83204009
299	Agribank Chi nhánh Huyện Giồng Trôm, Bến Tre	83204010
300	Agribank chi nhánh Huyện Mỏ Cày Bắc, Bến Tre	83204012
Tỉnh Trà Vinh		
301	Agribank Chi nhánh Huyện Càng Long, Trà Vinh	84204002
302	Agribank Chi nhánh Huyện Cầu Kè, Trà Vinh	84204003
303	Agribank Chi nhánh Huyện Tiểu Cần, Trà Vinh	84204004
304	Agribank Chi nhánh Huyện Trà Cú, Trà Vinh	84204005
305	Agribank Chi nhánh Huyện Cầu Ngang, Trà Vinh	84204006
306	Agribank Chi nhánh Huyện Duyên Hải, Trà Vinh	84204007
307	Agribank Chi nhánh Số 1, Trà Vinh	84204008
308	Agribank Chi nhánh Số 2, Trà Vinh	84204009
309	Agribank Chi nhánh TP Trà Vinh, Trà Vinh	84204010
310	Agribank Chi nhánh Huyện Châu Thành, Trà Vinh	84204011
Tỉnh Vĩnh Long		
311	Agribank Chi nhánh TX Bình Minh, Vĩnh Long	86204002
312	Agribank Chi nhánh Huyện Tam Bình, Vĩnh Long	86204003
313	Agribank Chi nhánh Huyện Long Hồ, Vĩnh Long	86204004
314	Agribank Chi nhánh Huyện Vũng Liêm, Vĩnh Long	86204005
315	Agribank Chi nhánh Huyện Mang Thít, Vĩnh Long	86204006
316	Agribank Chi nhánh Bình Tân, Vĩnh Long	86204007
317	Agribank Chi nhánh KCN Hoà Phú, Vĩnh Long	86204008
318	Agribank Chi nhánh TP Vĩnh Long, Vĩnh Long	86204009

319	Agribank Chi nhánh Huyện Trà Ôn, Vĩnh Long	86204010
	Tỉnh Đồng Tháp	
320	Agribank Chi nhánh TX Hồng Ngự, Đồng Tháp	87204002
321	Agribank Chi nhánh Huyện Tân Hồng, Đồng Tháp	87204003
322	Agribank Chi nhánh Huyện Tam Nông, Đồng Tháp	87204004
323	Agribank Chi nhánh TP Cao Lãnh, Đồng Tháp	87204005
324	Agribank Chi nhánh Huyện Châu Thành, Đồng Tháp	87204006
325	Agribank Chi nhánh Huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	87204007
326	Agribank Chi nhánh Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp	87204008
327	Agribank Chi nhánh Huyện Thanh Bình, Đồng Tháp	87204009
328	Agribank Chi nhánh Huyện Lai Vung, Đồng Tháp	87204010
329	Agribank Chi nhánh Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	87204011
330	Agribank Chi nhánh TP Sa đéc, Đồng Tháp	87204012
	Tỉnh An Giang	
331	Agribank Chi nhánh Huyện Thoại Sơn, An Giang	89204002
332	Agribank Chi nhánh Huyện An Phú, An Giang	89204003
333	Agribank Chi nhánh Huyện Phú Tân, An Giang	89204004
334	Agribank Chi nhánh Huyện Tri Tôn, An Giang	89204005
335	Agribank Chi nhánh TP Long Xuyên, An Giang	89204006
336	Agribank Chi nhánh Chi Lăng, An Giang	89204007
337	Agribank Chi nhánh TX Tân Châu, An Giang	89204008
338	Agribank Chi nhánh Huyện Tịnh Biên, An Giang	89204009
339	Agribank Chi nhánh Huyện Châu Phú, An Giang	89204010
340	Agribank Chi nhánh Huyện Châu Thành, An Giang	89204011
341	Agribank Chi nhánh Huyện Chợ Mới, An Giang	89204012
342	Agribank Chi nhánh TP Châu Đốc, An Giang	89204013
343	Agribank Chi nhánh Chợ Vàm, An Giang	89204014
344	Agribank Chi nhánh Mỹ Luông, An Giang	89204015
	Tỉnh Kiên Giang	
345	Agribank Chi nhánh Huyện Kiên Hải, Kiên Giang	91204003
346	Agribank Chi nhánh Bến Nhứt, Kiên Giang	91204004
347	Agribank Chi nhánh Huyện Giồng Riềng, Kiên Giang	91204005
348	Agribank Chi nhánh Thị xã Hà Tiên, Kiên Giang	91204006
349	Agribank Chi nhánh Rạch Sỏi, Kiên Giang	91204007
350	Agribank Chi nhánh Vĩnh Lạc, Kiên Giang	91204008
351	Agribank Chi nhánh Huyện Kiên Lương, Kiên Giang	91204009
352	Agribank Chi nhánh Huyện Gò Quao, Kiên Giang	91204010
353	Agribank Chi nhánh Huyện Hòn Đất, Kiên Giang	91204011
354	Agribank Chi nhánh Huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang	91204012

355	Agribank Chi nhánh Huyện Châu Thành, Kiên Giang	91204013
356	Agribank Chi nhánh Ba Hòn, Kiên Giang	91204014
357	Agribank Chi nhánh Mỹ Lâm, Kiên Giang	91204015
358	Agribank Chi nhánh Huyện An Biên, Kiên Giang	91204016
359	Agribank Chi nhánh Huyện An Minh, Kiên Giang	91204017
360	Agribank Chi nhánh Huyện Tân Hiệp, Kiên Giang	91204018
	Tỉnh Hậu Giang	
361	Agribank Chi nhánh Huyện Long Mỹ, Hậu Giang	93204002
362	Agribank Chi nhánh Thị xã Ngã Bảy, Hậu Giang	93204003
363	Agribank Chi nhánh Hòa Lự, Hậu Giang	93204004
364	Agribank Chi nhánh Huyện Vị Thủy, Hậu Giang	93204005
365	Agribank Chi nhánh Huyện Châu Thành A, Hậu Giang	93204006
366	Agribank Chi nhánh Huyện Châu Thành, Hậu Giang	93204007
367	Agribank Chi nhánh Huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang	93204008
368	Agribank Chi nhánh Cái Tắc, Hậu Giang	93204009
	Tỉnh Sóc Trăng	
369	Agribank Chi nhánh Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	94204002
370	Agribank Chi nhánh Ba Xuyên, Sóc Trăng	94204003
371	Agribank Chi nhánh Huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng	94204004
372	Agribank Chi nhánh Huyện Kế Sách, Sóc Trăng	94204005
373	Agribank Chi nhánh Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	94204006
374	Agribank Chi nhánh Huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	94204007
375	Agribank Chi nhánh Huyện Ngã Năm, Sóc Trăng	94204008
376	Agribank Chi nhánh Huyện Long Phú, Sóc Trăng	94204009
377	Agribank Chi nhánh Huyện Vĩnh Châu, Sóc Trăng	94204010
378	Agribank Chi nhánh Huyện Cù Lao Dung, Sóc Trăng	94204011
379	Agribank Chi nhánh Thạnh Phú, Sóc Trăng	94204012
380	Agribank Chi nhánh Trần Đề, Sóc Trăng	94204013
381	Agribank Chi nhánh Huyện Châu Thành, Sóc Trăng	94204014
	Tỉnh Bạc Liêu	
382	Agribank Chi nhánh TP Bạc Liêu, Bạc Liêu	95204002
383	Agribank Chi nhánh Huyện Phước Long, Bạc Liêu	95204003
384	Agribank Chi nhánh Huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	95204004
385	Agribank Chi nhánh Huyện Hoà Bình, Bạc Liêu	95204005
386	Agribank Chi nhánh Huyện Giá Rai, Bạc Liêu	95204006
387	Agribank Chi nhánh Huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	95204007
388	Agribank Chi nhánh Huyện Đông Hải, Bạc Liêu	95204008
	Tỉnh Cà Mau	
389	Agribank Chi nhánh Huyện Cái Nước, Cà Mau	96204002

390	Agribank Chi nhánh Huyện Thới Bình, Cà Mau	96204003
391	Agribank Chi nhánh Huyện Đầm Dơi, Cà Mau	96204004
392	Agribank Chi nhánh Thành phố Cà Mau, Cà Mau	96204005
393	Agribank Chi nhánh Huyện Ngọc Hiển, Cà Mau	96204006
394	Agribank Chi nhánh Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	96204007
395	Agribank Chi nhánh Huyện Năm Căn, Cà Mau	96204008
396	Agribank Chi nhánh Huyện Phú Tân, Cà Mau	96204009
397	Agribank Chi nhánh Huyện U Minh, Cà Mau	96204010